TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08/8/2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Thu.

Ông Vi Văn Hợp.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết **-** Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vi Văn A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nông Thị B, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vi Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 14 tháng 4 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng

bố mẹ đẻ anh tại thôn G, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2014 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn, do thời gian đã lâu nên anh không nhớ chính xác ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị B khi đó nói dối anh có việc về nhà ngoại nhưng thực chất là đi chơi ở chỗ khác, khi về nhà anh có hỏi lại chị B về việc đó nên vợ chồng có to tiếng cãi vã. Đến ngày 27/8/2014 âm lịch, chị B bỏ nhà đi, khi đi không nói gì với anh cũng như mẹ chồng. Anh có gọi điện, nhắn tin cho chị B nhưng không có hồi âm, trả lời. Khoảng 40 ngày sau khi bỏ đi, bố mẹ đẻ của chị B có dẫn chị B quay trở về nhà anh với mục đích để 2 vợ chồng hòa giải nhưng tại buổi hôm đó chị B không có thiện trí hòa giải vợ chồng mà chỉ là do gia đình ép buộc quay về nên sau đó chị B lại quay trở về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng anh chính thức ly thân từ đó đến nay. Từ khi bỏ đi, chị B không hề liên lạc với anh, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên yêu cầu ly hôn với chị Nông Thị B.

Về con chung: Anh và chị Nông Thị B có 01 con chung là cháu Vi Thị Ánh H, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2010. Từ khi chị B bỏ đi, cháu H do anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B có về thăm con 01 lần vào năm 2017 khi sinh nhật con, ngoài ra chị B không quay về lần nào khác. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và không yêu cầu chị Nông Thị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Nông Thị B cố tình vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy được bản khai của chị B, Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị B không có mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Toà án đã lấy lời khai của ông Nông Văn S là bố đẻ của chị Nông Thị B; lấy lời khai của bà Hoàng Thị Q là mẹ đẻ của anh Vi Văn A để xác định nơi cư trú của chị Nông Thị B hiện tại đang ở cùng bố mẹ đẻ ở thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; xác định về mâu thuẫn vợ chồng của anh A, chị B và việc tống đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng cho chị B.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn A, xử cho anh Vi Văn A ly hôn với chị Nông Thị B; anh Vi Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Thị Ánh H đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Nông Thị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vi Văn A giao nộp chứng cứ cho Toà án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tuỳ thân; giấy khai sinh của cháu Vi Thị Ánh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị Nông Thị B vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn A và chị Nông Thị B kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xẩy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cụ thể là vào khoảng tháng 8/2014 hai vợ chồng có cãi vã, to tiếng đến ngày 27/8/2014 âm lịch, chị B bỏ nhà đi, khi đi không nói gì với với anh A và mẹ chồng. Khoảng 40 ngày sau khi bỏ đi, chị B và bố mẹ để có quay về nhà anh A để vợ chồng hòa giải nhưng tại buổi hôm đó hai bên không thống nhất hòa giải được, chị B tiếp tục quay trở về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng chị B anh A chính thức ly thân từ đó đến nay, chị B không còn quan tâm chăm sóc anh A và gia đình, vì thế anh A yêu cầu ly hôn với chị B là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Vi Văn A và chị Nông Thị B có 01 con chung là cháu Vi Thị Ánh H, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2010, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, từ năm 2014 đến nay anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, tại biên bản lấy lời khai tại Tòa cháu H có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, nên việc giao cháu Vi Thị Ánh H cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Về phần cấp dưỡng anh Vi Văn A không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về án phí: Anh Vi Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, d Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anhVi Văn A. Xử cho anh Vi Văn A ly hôn với chị Nông Thị B.

2. Về con chung: Anh Vi Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Thị Ánh H, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2010 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Vi Văn A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Vi Văn A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04791 ngày 27 tháng 02 năm 2018.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lạng Sơn;*
- *VKSND huyện Chi Lăng;*
- *Chi cục THADS huyện Chi Lăng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thị Hương Giang